

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HS-ST
Ngày 27/5/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Nam và ông Bùi Quang Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hán Công Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **PHẠM NGỌC T**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 05 tháng 4 năm 1982; tại: xã H, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: khu Đ xã H, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 7/12 Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không.

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 025082004690, cấp ngày 25 tháng 4 năm

2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ Công an.

Con ông Phạm Mạnh H, sinh năm 1957 và bà Đinh Thị L sinh năm 1956;

Vợ thứ nhất: Nguyễn Thị D, sinh năm 1984 (Đã ly hôn);

Vợ thứ hai: La Thị T, sinh năm 1990;

Con: Có 03 con (con chung với vợ thứ nhất - sinh năm 2003; con chung với vợ thứ hai – sinh năm 2013, năm 2017 và năm 2026).

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*):

+ Bản án số 93/2010/HSST ngày 28/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Lát, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 19/5/2012, PHẠM NGỌC T chấp hành xong hình phạt chính. Ngày 10/9/2012, PHẠM NGỌC T chấp hành xong phần án phí hình sự, án phí dân sự của bản án. Về trách nhiệm dân sự, theo Quyết định Tuần phải bồi thường số tiền

5.000.000đ nhưng người được thi hành án không có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên.

+ Bản án số 44/2018/HSST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xử phạt 14 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản án này không xác định Bản án số 93/2010/HSST ngày 28/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La là tiền án. Ngày 30/01/2019, Tuấn chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2026 đến ngày 09/01/2026. Hiện đang thực hiện Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **TRẦN HUƠNG Q**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 20 tháng 4 năm 1992; tại: xã H, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 12/12 Dân tộc:

Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không.

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 025192003863, cấp ngày 20 tháng 4 năm

2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ Công an.

Con ông Trần Văn H, sinh năm 1968 và bà Đinh Thị L sinh năm 1967;

Chồng: Đinh Văn Đ sinh năm 1986; Con: Có 03 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021).

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*):
Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 24/01/2022 của Công an xã Yên Lương, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xử phạt 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc. Ngày 05/02/2022, bị cáo đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đến nay được xác định là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2026 đến ngày 09/01/2026 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **ĐINH VĂN H**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 10 tháng 8 năm 1976; tại: xã H, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 9/12 Dân tộc: Mường;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không.

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 02507601167, cấp ngày 22 tháng 6 năm 2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ Công an.

Con ông Đinh Văn T (đã chết) và bà Đinh Thị Q sinh năm 1951;

Vợ: Phùng Thị L, sinh năm 1981;

Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2012).

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*):
Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2026 đến ngày 09/01/2026 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **ĐINH VĂN S**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 06 tháng 6 năm 1972; tại: xã H, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 04/10 Dân tộc:

Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không.

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 025072015436, cấp ngày 12 tháng 7
năm

2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ Công an.

Con ông Đinh Minh L (đã chết) và bà Đinh Thị M, sinh năm 1941;

Vợ: Phùng Thị H, sinh năm 1975;

Con: Có 02 con (lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2004).

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*):
Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2026 đến ngày 09/01/2026 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: **HÀ CHUNG T**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 31 tháng 10 năm 1999; tại: xã H, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 12/12 Dân tộc:

Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không.

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 025099007594, cấp ngày 17 tháng 5
năm

2024; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ Công an.

Con ông Hà Mạnh Th, sinh năm 1974 và bà Đinh Thị H sinh năm 1978; Vợ; Con: Chưa có.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*):
Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2026 đến ngày 09/01/2026 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Q:* ông Bùi Đức Dũng – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo S:* ông Lê Thành Công – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo H:* bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo T:* bà Đinh Thị Hạnh – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Hồi 22 giờ 15 phút ngày 06/01/2026, tại gian gác xép nhà ở của ĐINH VĂN S thuộc khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ, Tổ công tác của Công an xã H đã kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang ĐINH VĂN S, PHẠM NGỌC T, TRẦN HUƠNG Q, ĐINH VĂN H, Hà Chung Thủy đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi “*Ba cây*” sát phạt nhau bằng tiền. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền: 8.200.000 đồng; 36 quân bài tú lơ khơ có hoa văn màu xanh - vàng; 01 chiếc đệm, loại đệm mút nằm giường, kích thước 1,8m x 2m màu xanh - đỏ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận: Khoảng 21 giờ ngày 06/01/2026, khi ĐINH VĂN S đang ở nhà thì PHẠM NGỌC T, TRẦN HUƠNG Q, ĐINH VĂN H, HÀ CHUNG T đến chơi, uống nước. Quá trình ngồi uống nước thì ĐINH VĂN H nói với Sỹ, Tuấn, Thủy, Quỳnh “*chơi ba cây đi*”, thì tất cả đều đồng ý đánh bạc. Sỹ lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại phòng khách nhà ở của Sỹ rồi cùng Hà, Tuấn, Thủy, Quỳnh đi lên gian gác xép để đánh bạc. Khi lên gác xép, các đối tượng ngồi thành vòng tròn khép kín theo thứ tự Sỹ, bên phải Sỹ là Quỳnh, tiếp theo là Tuấn, Hà, Thủy ngồi trên chiếc đệm loại đệm mút nằm giường, kích thước 1,8m x 2m được trải từ trước dưới nền. Sỹ cùng Hà, Tuấn, Thủy, Quỳnh bắt đầu đánh bạc liên tục từ khoảng 21 giờ 20 phút đến 22 giờ 15 phút ngày 06/01/2026 thì bị Tổ công tác của Công an xã H phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Quá trình Sỹ, Hà, Tuấn, Thủy, Quỳnh đánh bạc thì có Đinh Văn Đạt, sinh năm 1986, trú tại khu Gò Đa, xã H, tỉnh Phú Thọ là chồng của TRẦN HUƠNG Q đến nhà ở của Sỹ để gọi Quỳnh về, nhưng Quỳnh vẫn chơi tiếp nên Đạt ở lại ngồi xem và chờ Quỳnh về, không tham gia vào việc đánh bạc.

Quá trình đánh bạc, các đối tượng thống nhất hình thức đánh bạc và tính tiền được thua như sau: Đánh bạc dưới hình thức chơi “*Ba cây*” được thua bằng tiền. Người cầm Chương sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài từ quân A đến quân 9. Người cầm Chương chia cho mình và những người chơi 03 quân bài, sau đó các người chơi cộng điểm các quân bài của mình (quân A được tính là 1), khi cộng 3 quân bài nếu tròn số hàng chục thì được tính là 10 điểm, nếu không tròn chục thì lấy hàng đơn vị làm điểm để phân biệt thắng thua. Nếu ai được 10 điểm

cao nhất thì được làm người cầm Chương cho ván tiếp theo. Người nào cao điểm hơn là người thắng, trường hợp số điểm bằng nhau thì căn cứ chất quân bài theo thứ tự ưu tiên là Rô, Cơ, Tép, Bích để phân biệt thắng thua. Trong mỗi ván bài người chơi sẽ so điểm với người cầm Chương hoặc có thể đặt cược và so sánh với người chơi khác theo thoả thuận riêng, nếu ai cao điểm hơn sẽ thắng cược và được số tiền bằng số tiền đã đặt cược. Số tiền đặt cược tùy ý theo thoả thuận trong từng ván nhưng thấp nhất là 50.000đ.

Về số tiền các đối tượng tham gia đánh bạc: ĐINH VĂN S sử dụng số tiền 3.400.000đ, Hà Chung Thủy sử dụng số tiền 900.000đ, TRẦN HUƠNG Q sử dụng số tiền 900.000đ, PHẠM NGỌC T sử dụng số tiền 1.800.000đ, ĐINH VĂN H sử dụng số tiền 1.200.000đ để đánh bạc. Toàn bộ số tiền đều bị thu giữ khi bắt quả tang. Không có ai tổ chức cầm cố tài sản cho những người tham gia đánh bạc và không có ai canh gác, phục vụ cho những người đánh bạc tại nhà ở của Sỹ.

2. Các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 09/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với ĐINH VĂN S, ĐINH VĂN H, PHẠM NGỌC T, Hà Chung Thủy và TRẦN HUƠNG Q về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2025 (sau đây viết tắt là Bộ luật hình sự).

Đối với Đinh Văn Đạt: Quá trình điều tra xác định Đạt đến nhà ĐINH VĂN S để gọi TRẦN HUƠNG Q về, sau đó ngồi xem các đối tượng đánh bạc, không tham gia đánh bạc. Do đó, Cơ quan điều tra xác định anh Đạt không có hành vi vi phạm pháp luật.

- Vật chứng đã thu giữ: Số tiền 8.200.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Công an xã H mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII; 36 quân bài tú lơ khơ có một mặt màu trắng, một mặt có hoa văn màu xanh - vàng, đã qua sử dụng; 01 chiếc đệm, loại đệm mút nằm giường, kích thước 1,8m x 2m, màu xanh - đỏ, đã qua sử dụng.

- Về tình trạng thu nhập, điều kiện kinh tế của bị cáo:

+ Bị cáo PHẠM NGỌC T hiện đang sinh sống cùng vợ, con trong ngôi nhà dạng nhà vườn, 01 tầng, rộng 130m², được xây dựng trên thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24 thuộc khu Đ xã H, tỉnh Phú Thọ, diện tích thửa đất 866m², trong đó đất ở 400 m², đất trồng cây lâu năm 466 m². Tài sản nhà ở và đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bị cáo. Ngoài tài sản chung phục vụ sinh hoạt của gia đình, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị. Bị cáo là lao động tự do, thu nhập bình quân 6.000.000đ/01 tháng.

+ Bị cáo TRẦN HUƠNG Q hiện đang sinh sống cùng chồng, con và bố mẹ chồng trong ngôi nhà xây 02 tầng, rộng 150m², được xây dựng trên thửa đất số 99-2, tờ bản đồ số 24 thuộc khu Gò Đa, xã H, tỉnh Phú Thọ, diện tích thửa đất 1825m², trong đó đất ở 400 m², đất trồng cây lâu năm 1425 m². Tài sản nhà ở và đất thuộc quyền sở hữu của chồng bị cáo. Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo năm 2026. Ngoài tài sản chung phục vụ sinh hoạt của gia đình, bị cáo

không có tài sản riêng có giá trị. Bị cáo là lao động tự do, thu nhập bình quân 5.000.000đ/01 tháng.

+ Bị cáo ĐINH VĂN H hiện đang sinh sống cùng vợ, con trong ngôi nhà xây cấp 4, rộng 120m², được xây dựng trên thửa đất số 459-1, tờ bản đồ số 15 thuộc khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ, diện tích thửa đất 445,4m², trong đó đất ở 100 m², đất trồng cây lâu năm 345,4 m². Tài sản nhà ở và đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bị cáo. Ngoài tài sản chung phục vụ sinh hoạt của gia đình, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị. Bị cáo là lao động tự do, thu nhập bình quân 5.000.000đ/01 tháng.

+ Bị cáo ĐINH VĂN S hiện đang sinh sống cùng vợ, con trong ngôi nhà đồ mái bằng, 01 tầng, rộng 130m², được xây dựng trên thửa đất số 466, tờ bản đồ số 15 thuộc khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ, diện tích thửa đất 637,3m², trong đó đất ở 400 m², đất trồng cây lâu năm 237,3 m². Tài sản nhà ở và đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bị cáo. Ngoài tài sản chung phục vụ sinh hoạt của gia đình, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị. Bị cáo là lao động tự do, thu nhập bình quân 5.000.000đ/01 tháng.

+ Bị cáo H Chung Thuỷ hiện đang sinh sống cùng bố, mẹ trong ngôi nhà 02 tầng, dạng nhà ống, rộng 160m² thuộc quyền sở hữu của bố, mẹ bị cáo. Ngoài tài sản chung phục vụ sinh hoạt của gia đình, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị. Bị cáo là lao động tự do, thu nhập bình quân 6.000.000đ/01 tháng.

- Về nhân thân:

Bị cáo Q, thuộc diện hộ cận nghèo và có 03 con dưới 15 tuổi.

Bị cáo H, có mẹ đẻ là Đinh Thị Quê được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì.

Bị cáo T, có ông nội là Hà Văn Độ là thương binh loại A và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; có ông ngoại là Đinh Tiến Sỹ được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 13/CT – VKSPTO - KV ngày 05/5/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ đã truy tố các bị cáo PHẠM NGỌC T, TRẦN HƯƠNG Q, ĐINH VĂN H, ĐINH VĂN S và HÀ CHUNG T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo PHẠM NGỌC T, TRẦN HƯƠNG Q, ĐINH VĂN H, ĐINH VĂN S và HÀ CHUNG T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo PHẠM NGỌC T. Xử phạt bị cáo PHẠM NGỌC T từ 06 đến 09 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 06/01/2026 đến ngày 09/01/2026). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo ĐINH VĂN S. Xử phạt bị cáo ĐINH VĂN S từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo TRẦN HƯƠNG Q, bị cáo ĐINH VĂN H và bị cáo H CHUNG T. Xử phạt bị cáo TRẦN HƯƠNG Q từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ. Xử phạt bị cáo ĐINH VĂN H từ 09 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ. Xử phạt bị cáo H CHUNG T từ 09 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy mỗi bị cáo được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 06/01/2026 đến ngày 09/01/2026) được quy đổi thành 09 (chín) ngày Cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án. Giao các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy cho UBND xã H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy.

Buộc các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Tuấn, Quỳnh, Hà, Sỹ, Thủy.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng).

+ Tịch thu, tiêu hủy 36 quần bài tú lơ khơ có một mặt màu trắng, một mặt có hoa văn màu xanh - vàng, đã qua sử dụng; 01 chiếc đệm, loại đệm mút nằm giường, kích thước 1,8m x 2m, màu xanh - đỏ đã qua sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng Khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo PHẠM NGỌC T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo: TRẦN HƯƠNG Q, ĐINH VĂN H, ĐINH VĂN S và HÀ CHUNG T.

4. Đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo cho các bị cáo hình phạt nhẹ nhất.

5. Các Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai nhận của các bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của nhau cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã đủ cơ sở kết luận: Hồi 22 giờ 15 phút ngày 06/01/2026, tại gian gác xép nhà ở của ĐINH VĂN S thuộc khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ tổ công tác của Công an xã H đã kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang PHẠM NGỌC T, TRẦN HƯƠNG Q, ĐINH VĂN H, ĐINH VĂN S và HÀ CHUNG T đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức “chơi ba cây” được thua bằng tiền với số tiền bị thu giữ là 8.200.000 đồng (tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Tuấn, Quỳnh, Hà, Sỹ, Thủy thực hiện hành vi đánh bạc trong trạng thái tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Từ các nhận định trên đã đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo PHẠM NGỌC T, TRẦN HƯƠNG Q, ĐINH VĂN H, ĐINH VĂN S và HÀ CHUNG T đã phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- *Về nhân thân các Bị cáo:* Các Bị cáo S, Hà, Thủy có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Tuấn, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội đã được xóa án tích. Bị cáo Q, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội đã được coi như chưa bị xử lý hành chính.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo H, Sỹ, Thủy lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Tuấn, bị cáo Q được coi là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Q thuộc diện hộ cận nghèo và có 03 con dưới 15 tuổi; bị cáo H, có mẹ đẻ là Đinh Thị Quê được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo T, có ông nội là Hà Văn Độ là thương binh loại A và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; có ông ngoại là Đinh Tiến Sỹ được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang. Do đó, theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51, Điều 52 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo Tuấn, Quỳnh, Hà, Sỹ, Thủy đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Q, Hà, Thủy được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với bị cáo Tuấn, đã có 02 lần bị xét xử, đã phải chấp hành án phạt tù mà không lấy làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử bị cáo hình phạt tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định là phù hợp.

Đối với các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy lần đầu phạm tội và phạm tội ít nghiêm trọng, đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương bằng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú để giám sát,

giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ, như vậy cũng đủ để các bị cáo lấy đó làm bài học cho bản thân là phù hợp với Điều 36 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Q, bị cáo S phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H, bị cáo T.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy còn có thể bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5 % đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, qua xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ thấy rằng, các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo là phù hợp.

Do bị cáo là lao động tự do, công việc không ổn định nên phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, các bị cáo đều không có tài sản riêng có giá trị nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 8.200.000đ là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Công an xã H mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 36 quân bài tú lơ khơ có một mặt màu trắng, một mặt có hoa văn màu xanh - vàng, đã qua sử dụng; 01 chiếc đệm, loại đệm mút nằm giường, kích thước 1,8m x 2m, màu xanh - đỏ là vật không có giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo H, Sỹ, Thủy là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường), hiện đang sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Bị cáo Q thuộc diện hộ cận nghèo, có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Do đó, cần miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy là phù hợp điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Tuấn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội, tội danh:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.
- Tuyên bố các bị cáo PHẠM NGỌC T, TRẦN HƯƠNG Q, ĐINH VĂN H, ĐINH VĂN S và HÀ CHUNG T phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt, biện pháp tư pháp:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo PHẠM NGỌC T.

+ Xử phạt bị cáo **PHẠM NGỌC T 06 (sáu) tháng tù**. Bị cáo Tuấn được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 06/01/2026 đến ngày 09/01/2026). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo ĐINH VĂN S.

+ Xử phạt bị cáo **ĐINH VĂN S 15 (mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ**.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: TRẦN HUƠNG Q, ĐINH VĂN H và HÀ CHUNG T.

+ Xử phạt bị cáo **TRẦN HUƠNG Q 15 (mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ**.

+ Xử phạt bị cáo **ĐINH VĂN H 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ**.

+ Xử phạt bị cáo **H CHUNG T 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ**.

Các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy mỗi bị cáo được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 06/01/2026 đến ngày 09/01/2026) được quy đổi thành 09 (chín) ngày Cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án. Giao các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy cho UBND xã H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy.

Buộc các bị cáo Q, Hà, Sỹ, Thủy phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Tuấn, Quỳnh, Hà, Sỹ, Thủy.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo S, Thủy, Quỳnh, Hà theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 49, 50, 52, 53 ngày 08/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng).

- Tịch thu, tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ có một mặt màu trắng, một mặt có hoa văn màu xanh - vàng, đã qua sử dụng; 01 chiếc đệm, loại đệm mút nằm giường, kích thước 180cm x 200cm, màu xanh - đỏ đã qua sử dụng.

Vật chứng là tiền, đã được cơ quan Công an xã H, tỉnh Phú Thọ chuyển vào tài khoản của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo Ủy nhiệm chi ngày 11/5/2026 tại Kho bạc Nhà nước khu vực VIII – Phòng giao dịch số 3.

Vật chứng là hiện vật đã được cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ bàn giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Phú Thọ ngày 12/5/2026.

4. *Về án phí:* Áp dụng Khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo PHẠM NGỌC T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo: TRẦN HƯƠNG Q, ĐINH VĂN H, ĐINH VĂN S và HÀ CHUNG T.

5. *Quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND - KV7;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ;
- CQ THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Mai

